



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH

MÔN: TH Hóa Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 3

MÃ MÔN: CHE101

Học kỳ : 1

Thời gian: Tháng 01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%				
1	2026522002	Nguyễn Tuấn Anh	T20YDH1A	10				8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một		
2	2026522004	Trần Hữu Ánh	T20YDH1A	10				9				8.5	8.9	Tám Phẩy Chín		
3	2026522018	Trương Phú Dũng	T20YDH1A	10				8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín		
4	2026522040	Kim Hoàng Giang Hùng	T20YDH1A	10				8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một		
5	2026522041	Võ Ngọc Bảo Hưng	T20YDH1A	10				8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
6	2026522050	Phạm Minh Kha	T20YDH1A	10				8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
7	2026522054	Võ Vĩnh Khương	T20YDH1A	10				8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
8	2026522064	Trần Việt Linh	T20YDH1A	10				9				8	8.7	Tám Phẩy Bảy		
9	2026522074	Đình Văn Minh	T20YDH1A	10				9				8.5	8.9	Tám Phẩy Chín		
10	2026522077	Phan Nhật Nam	T20YDH1A	10				8.5				8	8.5	Tám Phẩy Năm		
11	2026522119	Võ Văn Tây	T20YDH1A	10				8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy		
12	2026522152	Nguyễn Bá Tín	T20YDH1A	10				9				9	9.2	Chín Phẩy Hai		
13	2026522154	Đỗ Công Toàn	T20YDH1A	10				9				8.5	8.9	Tám Phẩy Chín		
14	2026522155	Ngô Thanh Tông	T20YDH1A	0				0				0	0.0	Không		
15	2026522172	Nguyễn Hữu Tuấn	T20YDH1A	10				8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy		
16	2026522186	Phan Công Lộc	T20YDH1A	10				8.5				8.5	8.8	Tám Phẩy Tám		
17	2026522190	Thái Ngọc Phi	T20YDH1A	0				0				0	0.0	Không		
18	2026522219	Hoàng Minh Tân	T20YDH1A	9.5				7.5				5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám		
19	2027522005	Phan Thị Kim Ánh	T20YDH1A	10				8				9	9.0	Chín		
20	2027522015	Đình Thị Dung	T20YDH1A	10				9				8	8.7	Tám Phẩy Bảy		
21	2027522016	Hồ Thị Dung	T20YDH1A	10				8.5				8	8.5	Tám Phẩy Năm		
22	2027522022	Nguyễn Thị Việt Hà	T20YDH1A	10				8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy		
23	2027522023	Nguyễn Thị Thu Hà	T20YDH1A	10				8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một		
24	2027522024	Nguyễn Lê Thanh Hà	T20YDH1A	10				8.5				9	9.1	Chín Phẩy Một		
25	2027522026	Nguyễn Thị Thu Hạ	T20YDH1A	10				8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một		
26	2027522032	Phạm Thị Thu Hằng	T20YDH1A	10				8.5				6	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
27	2027522035	Nguyễn Thị Thu Hiền	T20YDH1A	10				8.5				7	8.0	Tám		
28	2027522037	Võ Thị Hoa	T20YDH1A	10				8.5				8	8.5	Tám Phẩy Năm		
29	2027522046	Huỳnh Nguyễn Triệu Huyền	T20YDH1A	10				8.5				8	8.5	Tám Phẩy Năm		
30	2027522053	Trần Thị Bích Khuê	T20YDH1A	10				8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một		
31	2027522057	Trần Thị Hương Lan	T20YDH1A	9				8				7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín		
32	2027522062	Ngô Thị Liên	T20YDH1A	10				8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy		
33	2027522071	Võ Nữ Ly Ly	T20YDH1A	10				8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
34	2027522079	Phạm Thị Nga	T20YDH1A	10				9				9	9.2	Chín Phẩy Hai		
35	2027522081	Lê Thị Việt Nga	T20YDH1A	10				8.5				8.5	8.8	Tám Phẩy Tám		



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH

MÔN: TH Hóa Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 3

MÃ MÔN: CHE101

Học kỳ : 1

Thời gian: Tháng 01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%					
36	2027522082	Hồ Thanh	Nga	T20YDH1A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
37	2027522086	Phan Thị	Ngọc	T20YDH1A	10					8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
38	2027522092	Lê Thị Cẩm	Nhung	T20YDH1A	10					8				6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
39	2027522096	Dương Thị Diệu	Oanh	T20YDH1A	10					8				6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
40	2027522101	Nguyễn Thị Kim	Phụng	T20YDH1A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
41	2027522104	Hoàng Lê Thu	Phương	T20YDH1A	10					8.5				9	9.1	Chín Phẩy Một	
42	2027522105	Phan Thị Xuân	Phường	T20YDH1A	9					8.5				8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
43	2027522106	Nguyễn Thị	Phượng	T20YDH1A	9					8				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
44	2027522110	Đỗ Trần Hồng	Quyên	T20YDH1A	10					8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
45	2027522121	Trần Thị Hoài	Thanh	T20YDH1A	10					8.5				8.5	8.8	Tám Phẩy Tám	
46	2027522124	Cao Thị Ánh	Thành	T20YDH1A	10					8				6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
47	2027522133	Đoàn Thị Thanh	Thảo	T20YDH1A	10					8				6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
48	2027522138	Hoàng Thị	Thu	T20YDH1A	10					8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
49	2027522139	Nguyễn Anh	Thư	T20YDH1A	10					8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
50	2027522140	Lê Thị Hoài	Thương	T20YDH1A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
51	2027522142	Phan Thị Hoài	Thương	T20YDH1A	9					8				8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
52	2027522143	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	T20YDH1A	10					8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
53	2027522145	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	T20YDH1A	10					9				6	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
54	2027522156	Võ Thị Thùy	Trâm	T20YDH1A	10					9				9	9.2	Chín Phẩy Hai	
55	2027522176	Đoàn Thị Ánh	Tuyết	T20YDH1A	10					9				9	9.2	Chín Phẩy Hai	
56	2027522183	Huỳnh Thị Hồng	Vân	T20YDH1A	10					8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
57	2027522188	Trần Lê Yến	Ngọc	T20YDH1A	10					8.5				8.5	8.8	Tám Phẩy Tám	
58	2027522189	Ngô Thị Vân	Phương	T20YDH1A	8					8				7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
59	2027522192	Trần Ngọc Đoan	Trang	T20YDH1A	10					8.5				8	8.5	Tám Phẩy Năm	
60	2027522193	Lê Thị	Yến	T20YDH1A	10					8.5				9	9.1	Chín Phẩy Một	
61	2027522194	Trần Thị Minh	Hiền	T20YDH1A	10					8.5				8	8.5	Tám Phẩy Năm	
62	2027522195	Nguyễn Thị Bé	Út	T20YDH1A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
63	2027522201	Võ Thị	Yên	T20YDH1A	10					8.5				9	9.1	Chín Phẩy Một	
64	2027522205	Lê Nhật	Tuyền	T20YDH1A	10					9				8.5	8.9	Tám Phẩy Chín	
65	2027522207	Đặng Thị Minh	Huyền	T20YDH1A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
66	2027522211	Huyền Tôn Nữ Khán	Ngọc	T20YDH1A	10					8.5				7.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
67	2027522214	Võ Thị Diệu	My	T20YDH1A	10					8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
68	2027522220	Phan Thị Kim	Oanh	T20YDH1A	9					8.5				8	8.3	Tám Phẩy Ba	
69	2027522222	Lê Thị Bích	Ngọc	T20YDH1A	7					8.5				7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
70	2026522012	Võ Chí	Đạt	T20YDH2A	8					7				7	7.2	Bảy Phẩy Hai	



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH

MÔN: TH Hóa Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 3

MÃ MÔN: CHE101

Học kỳ : 1

Thời gian: Tháng 01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%					
71	2026522014	Phạm Văn	Đông	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
72	2026522019	Nguyễn Ngọc	Dũng	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
73	2026522047	Nguyễn Văn	Huyền	T20YDH2A	10					8				9	9.0	Chín	
74	2026522102	Lý Minh	Phụng	T20YDH2A	8					7				7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
75	2026522108	Trần Vinh	Quang	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
76	2026522118	Phan Thanh	Tạo	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
77	2026522122	Trần Viết	Thành	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
78	2026522126	Lê Quang	Thành	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
79	2026522151	Trần Hữu	Tiến	T20YDH2A	10					9				8	8.7	Tám Phẩy Bảy	
80	2026522166	Nguyễn Đức	Trí	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
81	2026522173	Đào Thanh	Tuấn	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
82	2026522175	Ngô Anh	Tuấn	T20YDH2A	10					7				7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
83	2026522208	Đoàn Anh	Tuấn	T20YDH2A	9					7				8	8.0	Tám	
84	2026522217	Nguyễn Song	Hào	T20YDH2A	9					7				7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
85	2027522009	Phan Thị	Chi	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
86	2027522013	Lê Thị Ngọc	Diễm	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
87	2027522021	Đặng Thị	Hà	T20YDH2A	8					7				8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
88	2027522025	Ngô Thị Thúy	Hà	T20YDH2A	10					8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
89	2027522028	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
90	2027522031	Nguyễn Thị Kim	Hằng	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
91	2027522044	Nguyễn Thị Bích	Hường	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
92	2027522049	Huỳnh Thị	Huyền	T20YDH2A	9					8				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
93	2027522051	Lê Thị	Khải	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
94	2027522060	Nguyễn Lê Nhật	Lệ	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
95	2027522061	Từ Thị Mỹ	Lệ	T20YDH2A	10					7				7	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
96	2027522067	Lê Thị	Loan	T20YDH2A	10					7				7	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
97	2027522070	Lê Thị	Lưu	T20YDH2A	10					7				7	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
98	2027522073	Phan Quỳnh	Mai	T20YDH2A	8					7				8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
99	2027522075	Nguyễn Thị Việt	Mỹ	T20YDH2A	10					7				7	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
100	2027522084	Nguyễn Thị Kim	Ngân	T20YDH2A	9					7				8	8.0	Tám	
101	2027522085	Nguyễn Thị Kim	Ngân	T20YDH2A	10					8.7				8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
102	2027522088	Dương Thị Thanh	Nguyệt	T20YDH2A	10					9				8	8.7	Tám Phẩy Bảy	
103	2027522094	Hoàng Thị	Oanh	T20YDH2A	10					8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
104	2027522095	Mai Thị Hoàng	Oanh	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
105	2027522107	Nguyễn Thị Kim	Quang	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH

MÔN: TH Hóa Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 3

MÃ MÔN: CHE101

Học kỳ : 1

Thời gian: Tháng 01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F					
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ			
106	2027522113	Nguyễn Thị Diệu	Sinh	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
107	2027522114	Trịnh Thị Hồng	Sinh	T20YDH2A	9					7				8	8.0	Tám	
108	2027522116	Nguyễn Thị Minh	Tâm	T20YDH2A	9					7				9	8.5	Tám Phẩy Năm	
109	2027522117	Trần Thị	Tâm	T20YDH2A	10					8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
110	2027522129	Nguyễn Thị Phương	Thảo	T20YDH2A	10					7				9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
111	2027522130	Trần Thị Phương	Thảo	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
112	2027522131	Đào Nguyên Anh	Thảo	T20YDH2A	10					8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
113	2027522136	Quảng Thị Kim	Thoa	T20YDH2A	8					7				8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
114	2027522141	Trần Đặng Hoài	Thương	T20YDH2A	10					8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
115	2027522148	Nguyễn Thị Thu	Thủy	T20YDH2A	10					7				7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
116	2027522150	Võ Thị Anh	Tiên	T20YDH2A	10					8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
117	2027522160	Lưu Thị Huyền	Trang	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
118	2027522163	Nguyễn Thị Thùy	Trang	T20YDH2A	10					7.5				8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
119	2027522174	Trương Thị	Tuấn	T20YDH2A	10					8				9	9.0	Chín	
120	2027522177	Huỳnh Thị Phương	Uyên	T20YDH2A	9					7				7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
121	2027522180	Mã Thị Hồng	Vân	T20YDH2A	10					7				7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
122	2027522185	Lê Thị Kim	Vương	T20YDH2A	10					7				8	8.2	Tám Phẩy Hai	
123	2027522191	Đặng Thị Huyền	Trang	T20YDH2A	9					7				8	8.0	Tám	
124	2027522199	Lê Thị	Huyền	T20YDH2A	10					8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
125	2027522215	Tiêu Thị Ngọc	Diệp	T20YDH2A	10					9				9	9.2	Chín Phẩy Hai	
126	2027522216	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	T20YDH2A	10					8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
127	2027522221	Hồ Thị Thu	Diễm	T20YDH2A	10					8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
128	2026522003	Lê Tuấn	Anh	T20YDH3A	10					8				6.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
129	2026522006	Nguyễn Văn	Bình	T20YDH3A	9.5					7				7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
130	2026522017	Huỳnh Quốc	Dũng	T20YDH3A	10					7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
131	2026522029	Nguyễn Văn	Hân	T20YDH3A	10					7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
132	2026522052	Lê Trung	Khánh	T20YDH3A	10					8				6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
133	2026522055	Trần Trọng	Kim	T20YDH3A	10					7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
134	2026522056	Lê Viết	Kính	T20YDH3A	10					7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
135	2026522069	Nguyễn Xuân	Lợi	T20YDH3A	9.5					7.5				6	7.1	Bảy Phẩy Một	
136	2026522087	Ngô Trí	Nguyên	T20YDH3A	10					7				6	7.1	Bảy Phẩy Một	
137	2026522089	Ngô Ngọc	Nhã	T20YDH3A	10					7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
138	2026522091	Trương Công	Nhân	T20YDH3A	9.5					7				6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
139	2026522097	Hồ Văn	Phổ	T20YDH3A	10					7.5				7.5	8.0	Tám	
140	2026522098	Trần Văn	Phong	T20YDH3A	10					7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH

MÔN: TH Hóa Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 3

MÃ MÔN: CHE101

Học kỳ : 1

Thời gian: Tháng 01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%				
141	2026522099	Nguyễn Công Phú	T20YDH3A	10				7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
142	2026522109	Triệu Văn Bảo Quốc	T20YDH3A	10				7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
143	2026522115	Nguyễn Thành Sơn	T20YDH3A	10				7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm		
144	2026522120	Hồ Hoàng Thắng	T20YDH3A	10				7.5				6	7.2	Bảy Phẩy Hai		
145	2026522127	Võ Nhật Thành	T20YDH3A	9				6.5				7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu		
146	2026522153	Nguyễn Mạnh Toàn	T20YDH3A	10				7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
147	2026522165	Võ Công Trí	T20YDH3A	9.5				8				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
148	2026522170	Trương Hữu Trung	T20YDH3A	9.5				7.5				5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám		
149	2026522171	Đặng Duy Trường	T20YDH3A	10				7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm		
150	2026522184	Phạm Văn Vinh	T20YDH3A	10				7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm		
151	2026522196	Lê Hải Vinh	T20YDH3A	10				7.5				6	7.2	Bảy Phẩy Hai		
152	2026522202	Hoàng Phương Hải	T20YDH3A	0				0				0	0.0	Không		
153	2026522204	Cù Tất Long	T20YDH3A	10				7				5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám		
154	2026522210	Trịnh Minh Phổ	T20YDH3A	10				7				7	7.6	BảyPhẩy Sáu		
155	2026522213	Tăng Văn Hoàng	T20YDH3A	9.5				7.5				7	7.6	BảyPhẩy Sáu		
156	2027522008	Nguyễn Thị Ngọc Châu	T20YDH3A	10				7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
157	2027522010	Phạm Thị Ánh Chuyên	T20YDH3A	9				7				5	6.3	Sáu Phẩy Ba		
158	2027522020	Mai Thị Xuân Duy	T20YDH3A	10				7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
159	2027522036	Nguyễn Thị Hiếu	T20YDH3A	10				7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
160	2027522038	Cù Thị Hồng Hoa	T20YDH3A	9.5				7.5				6	7.1	Bảy Phẩy Một		
161	2027522043	Lê Thị Ngọc Hương	T20YDH3A	10				7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
162	2027522048	Trần Thị Mỹ Huyền	T20YDH3A	10				7.5				8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu		
163	2027522066	Nguyễn Thị Mỹ Linh	T20YDH3A	10				7.5				7.5	8.0	Tám		
164	2027522072	Lê Thị Thu Mai	T20YDH3A	10				8				6	7.3	Bảy Phẩy Ba		
165	2027522076	Nguyễn Nữ Mai Na	T20YDH3A	10				7.5				7.5	8.0	Tám		
166	2027522078	Lê Thị Thúy Nga	T20YDH3A	10				7.5				7.5	8.0	Tám		
167	2027522080	Nguyễn Thị Ngọc Nga	T20YDH3A	8.5				6.5				6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
168	2027522083	Vũ Thị Kiều Nga	T20YDH3A	9.5				6.5				5.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
169	2027522090	Huỳnh Nguyễn Hạnh Nhân	T20YDH3A	10				7				6	7.1	Bảy Phẩy Một		
170	2027522093	Nguyễn Thị Nhung	T20YDH3A	10				8.5				8	8.5	Tám Phẩy Năm		
171	2027522103	Nguyễn Thị Thanh Phương	T20YDH3A	10				7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
172	2027522111	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	T20YDH3A	10				7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm		
173	2027522112	Nguyễn Thị Sim	T20YDH3A	10				7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
174	2027522128	Lê Phương Thảo	T20YDH3A	10				7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm		
175	2027522132	Lê Phương Thảo	T20YDH3A	10				7.5				6	7.2	Bảy Phẩy Hai		



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHÓA T20YDH

MÔN: TH Hóa Học Đại Cương * SỐ TÍN CHỈ: 3

MÃ MÔN: CHE101

Học kỳ : 1

Thời gian: Tháng 01/2015

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%				
176	2027522135	Trần Thị Kim	Thì	T20YDH3A	10				7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
177	2027522149	Trần Thị Hoàng	Thy	T20YDH3A	10				7				6	7.1	Bảy Phẩy Một	
178	2027522157	Lang Ngọc	Trâm	T20YDH3A	10				8				5.5	7.0	Bảy	
179	2027522159	Phan Thị Huyền	Trang	T20YDH3A	0				0				0	0.0	Không	
180	2027522161	Nguyễn Thị	Trang	T20YDH3A	10				7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
181	2027522162	Bùi Thị Thùy	Trang	T20YDH3A	10				7				5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
182	2027522164	Phan Thị	Trang	T20YDH3A	10				7.5				7.5	8.0	Tám	
183	2027522167	Võ Thị Thùy	Trinh	T20YDH3A	10				7				6.5	7.3	Bảy Phẩy Ba	
184	2027522169	Hồ Nữ Hạnh	Trinh	T20YDH3A	10				7				6.5	7.3	Bảy Phẩy Ba	
185	2027522179	Hà Thị Thu	Vân	T20YDH3A	10				7.5				6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
186	2027522181	Văn Thị	Vân	T20YDH3A	10				8				8.5	8.7	Tám Phẩy Bảy	
187	2027522197	Trần Thị Hương	Nhi	T20YDH3A	10				7.5				7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
188	2027522198	Hoàng Thị Trang	Anh	T20YDH3A	10				7.5				6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
189	2027522200	Nguyễn Thị Tường	Sa	T20YDH3A	10				8				7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
190	2027522203	Đinh Thị	Hằng	T20YDH3A	10				7.5				5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
191	2027522218	Nguyễn Thị	Hòa	T20YDH3A	9.5				7.5				6.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
192	1926522032	Đặng Thị Thùy	Dung	T20YDHB	10				8.5				7	8.0	Tám	
193	1926522215	Huỳnh Thị	Việt	T20YDHB	10				7.8				7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
194	2020522806	Mai	Hương	T20YDHB	0				0				0	0.0	Không	
195	2026522007	Võ Nhật	Bộ	T20YDHB	10				7.8				6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
196	2026522039	Nguyễn Như	Hoàn	T20YDHB	10				8.2				5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
197	2026522063	Nguyễn Trần Hoài	Linh	T20YDHB	10				8.7				8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
198	2026522100	Hồ Đắc	Phúc	T20YDHB	10				8				7.5	8.1	Tám Phẩy Một	
199	2026522123	Lê Chí	Thành	T20YDHB	8				7				7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
200	2026522125	Nguyễn Chí	Thành	T20YDHB	10				8.7				9	9.1	Chín Phẩy Một	
201	2026522134	Hồ Vỹ	Thế	T20YDHB	10				8.2				5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
202	2026522137	Mai Huỳnh Quốc	Thống	T20YDHB	10				7.6				7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
203	2026522209	Lê Nguyên	Vũ	T20YDHB	8				6				5	5.9	Năm Phẩy Chín	
204	2027522027	Lê Thị Ngọc	Hải	T20YDHB	10				8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
205	2027522034	Nguyễn Thị Minh	Hảo	T20YDHB	10				8				8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
206	2027522065	Nguyễn Thị Thùy	Linh	T20YDHB	10				8.7				9	9.1	Chín Phẩy Một	
207	2027522068	Huỳnh Thị	Lợi	T20YDHB	10				8.2				5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
208	2027522144	Võ Thị	Thúy	T20YDHB	10				8.7				7	8.0	Tám	
209	2027522146	Nguyễn Thị Diệu	Thủy	T20YDHB	8				8				8	8.0	Tám	
210	2027522147	Lê Ngọc	Thủy	T20YDHB	10				9				5	7.0	Bảy	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
211	2027522158	Võ Thị Thùy Trâm	T20YDHB	10				8.3				9	9.0	Chín		
212	2027522178	Nguyễn Thị Phương Uyên	T20YDHB	10				8				5	6.8	Sáu Phẩy Tám		
213	2027522182	Nguyễn Thị Hoàng Vân	T20YDHB	8				7				4	5.6	Năm Phẩy Sáu		
214	2027522187	Phan Thị Kim Chi	T20YDHB	10				8.3				4	6.3	Sáu Phẩy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	209	98%	
2	Số sinh viên nợ	5	2%	
TỔNG CỘNG :		214	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 05/02/2015
P. ĐÀO TẠO ĐH & SDH

Lưu Ngọc Tín

ThS. Nguyễn Ân